

Số: 414/QĐ-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xử lý học vụ đối với nghiên cứu sinh khóa 2014; 2015; 2016; 2017; 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 83/ĐHQG-ĐH&SĐH ngày 19 tháng 02 năm 2016 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh của trình độ thạc sĩ và tiến sĩ của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-ĐHQG ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-ĐHKTL ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Căn cứ Biên bản họp hội đồng học vụ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc xử lý học vụ đối với nghiên cứu sinh khóa 2014; 2015; 2016; 2017; 2018.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử lý học vụ đối với các nghiên cứu sinh khóa 2014; 2015; 2016; 2017; 2018 (Đính kèm danh sách nghiên cứu sinh cùng hình thức xử lý).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các Phòng Sau đại học, Kế hoạch - Tài chính, các khoa đào tạo trình độ tiến sĩ và các nghiên cứu sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, SĐH.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dũng

**DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH BỊ XỬ LÝ HỌC VỤ
KHÓA 2014; 2015; 2016; 2017; 2018**

(Đính kèm theo Quyết định số 414/QĐ-ĐHKTL ngày 18 tháng 04 năm 2019)

ST T	MSNCS	Họ tên NCS	Khóa	Chuyên ngành	Hình thức xử lý	Ghi chú
KHÓA 2014						
1	NCS101021417	Nguyễn Thanh Long	2014	Kinh tế chính trị	Cảnh cáo	
2	NCS101021418	Ngô Quang Thịnh	2014	Kinh tế chính trị	Cảnh cáo	
3	NCS101011433	Tô Thị Tú Trang	2014	Kinh tế học	Cảnh cáo	
4	NCS101011428	Trịnh Đoàn Tuấn Linh	2014	Kinh tế học	Cảnh cáo	
5	NCS101011429	Lê Minh Phương Mai	2014	Kinh tế học	Cảnh cáo	
6	NCS101011431	Huỳnh Đình Phát	2014	Kinh tế học	Cảnh cáo	
7	NCS101011432	Nguyễn Thị Thu Trang	2014	Kinh tế học	Cảnh cáo	
8	NCS801071464	Vương Tuyết Linh	2014	Luật Kinh tế	Cảnh cáo	
9	NCS801071462	Đào Trọng Tú	2014	Luật Kinh tế	Cảnh cáo	
10	NCS801071456	Châu Phụng Chi	2014	Luật Kinh tế	Cảnh cáo	
KHÓA 2015						
11	15201011	Võ Tường Oanh	2015	Tài chính - Ngân hàng	Khiển trách	
12	15201008	Dương Diễm Kiều	2015	Tài chính - Ngân hàng	Cảnh cáo	
13	15201004	Phan Thanh Bình	2015	Tài chính - Ngân hàng	Cảnh cáo	
14	15201010	Nguyễn Thị Oanh	2015	Tài chính - Ngân hàng	Cảnh cáo	
15	15201002	Nguyễn Văn Bảy	2015	Tài chính - Ngân hàng	Cảnh cáo	
16	15102007	Vongsakhamphouy Phonesavanh	2015	Kinh tế chính trị	Cảnh cáo	
17	15102005	Phạm Ngọc Nam	2015	Kinh tế chính trị	Cảnh cáo	
18	15102004	Hồ Diệu Mai	2015	Kinh tế chính trị	Cảnh cáo	
19	15102006	Mai Trọng Tấn	2015	Kinh tế chính trị	Cảnh cáo	
20	15102003	Trần Ngọc Hoa	2015	Kinh tế chính trị	Cảnh cáo	
21	15102002	Nguyễn Mạnh Cường	2015	Kinh tế chính trị	Cảnh cáo	
22	15101002	Nguyễn Thái Dung	2015	Kinh tế học	Cảnh cáo	
23	15101003	Dương Thế Duy	2015	Kinh tế học	Cảnh cáo	
24	15101008	Trương Bích Phương	2015	Kinh tế học	Cảnh cáo	
25	15101011	Lưu Thanh Thủy	2015	Kinh tế học	Cảnh cáo	
26	15101009	Phạm Thị Châu Quyên	2015	Kinh tế học	Cảnh cáo	
27	15101010	Đặng Thanh Sơn	2015	Kinh tế học	Cảnh cáo	
28	15101006	Trần Thị Trúc Lan	2015	Kinh tế học	Cảnh cáo	
29	15101004	Nguyễn Thị Ánh Hồng	2015	Kinh tế học	Cảnh cáo	
30	15107004	Trần Quang Đăng	2015	Luật Kinh tế	Cảnh cáo	
31	15107013	Nguyễn Viêt Xuân	2015	Luật Kinh tế	Cảnh cáo	
32	15107010	Nguyễn Hoàng Quân	2015	Luật Kinh tế	Cảnh cáo	

ST T	MSNCS	Họ tên NCS	Khóa	Chuyên ngành	Hình thức xử lý	Ghi chú
KHÓA 2016						
33	1610102003	Lê Văn Thông	2016	Kinh tế chính trị	Khiển trách	
34	1640102003	Nguyễn Minh Hương	2016	Quản trị kinh doanh	Khiển trách	
35	1640102001	Tổng Trang Châu	2016	Quản trị kinh doanh	Khiển trách	
36	1640102004	Nguyễn Thị Lại	2016	Quản trị kinh doanh	Khiển trách	
37	1640102005	Nguyễn Duy Phong	2016	Quản trị kinh doanh	Khiển trách	
38	1640102006	Mai Thu Phương	2016	Quản trị kinh doanh	Khiển trách	
39	1640102002	Lê Nam Hải	2016	Quản trị kinh doanh	Khiển trách	
40	1640201006	Nguyễn Văn Tân	2016	Tài chính - Ngân hàng	Khiển trách	
41	1640201005	Trần Thị Ngọc Quỳnh	2016	Tài chính - Ngân hàng	Khiển trách	
42	1640201001	Nguyễn Thị Hồng Huệ	2016	Tài chính - Ngân hàng	Khiển trách	
43	1640201002	Chu Mai Linh	2016	Tài chính - Ngân hàng	Khiển trách	
44	1640201007	Võ Thị Ngọc Trinh	2016	Tài chính - Ngân hàng	Khiển trách	
45	1610101003	Lê Nhân Mỹ	2016	Kinh tế học	Khiển trách	
46	1610101008	Lìn Vĩ Tuấn	2016	Kinh tế học	Khiển trách	
47	1610101001	Trần Quốc Khánh Cường	2016	Kinh tế học	Cảnh cáo	
48	1610101006	Vũ Trịnh Thế Quân	2016	Kinh tế học	Cảnh cáo	
49	1680107001	Phạm Ngọc Chuyên	2016	Luật Kinh tế	Cảnh cáo	
KHÓA 2017						
50	N17710003	Mai Hoàng Đức Duy	2017	Luật Kinh tế	Khiển trách	
51	N17710013	Phạm Thanh Tú	2017	Luật Kinh tế	Cảnh cáo	
52	N17704001	Nguyễn Đức Anh	2017	Tài chính - Ngân hàng	Cảnh cáo	
53	N17704002	Nguyễn Thị Xuân Hà	2017	Tài chính - Ngân hàng	Cảnh cáo	
54	N17707007	Đặng Thị Ngọc Sơn	2017	Quản trị kinh doanh	Cảnh cáo	
KHÓA 2018						
55	N18710014	Phạm Thanh Hải	2018	Luật Kinh tế	Cảnh cáo	

